UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TỨC TRANH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
số :237/BC-UBND	*Tức Tranh, ngày 31 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH-13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Tức Tranh về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022;

Ủy ban nhân dân xã Tức Tranh báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

*** Tổng thu ngân sách năm 2022 : 11.073.706 nghìn đồng, đạt 161,47% so với dự toán, trong đó:**

1/. Các khoản thu xã hưởng 100% : 1.768.786 nghìn đồng, đạt 769,04% so với dự toán, cụ thể:

- Thu từ phí lệ phí : Thực hiện 84.370 nghìn đồng, đạt 84,4% so với dự toán năm 2022;

- Thu khác : Thực hiện 147.815 nghìn đồng, đạt 113,7% so với dự toán năm 20122;

2/. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ: 580.813 nghìn đồng, đạt 116,4% so với dự toán, cụ thể:

- Lệ phí trước bạ nhà đất 84.231 nghìn đồng.

- Lệ phí môn bài cá nhân, hộ kinh doanh: 28.200 nghìn đồng

- Thuế GTGT 81.047 nghìn đồng, đạt 74% so với dư toán;

- Thuế sử dụng đất phi nông 16.741 nghìn đồng ;

- Thuế thu nhập cá nhân: 370.234 nghìn đồng đạt 137,1% kế hoạch

3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 8.664.094 nghìn đồng, đạt 141,4% so với dự toán năm 2022, cụ thể:

- Thu bổ sung cân đối : 6.062.251 nghìn đồng, đạt 98.9% so với dự toán năm 2022;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 2.601.843 nghìn đồng.

II/. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách năm 2022: 10.720.250 nghìn đồng, đạt 113% so với dự toán năm 2022, trong đó:

1/. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 2.949.883 nghìn đồng;

2/. Chi thường xuyên: thực hiện 7.770.367 nghìn đồng, đạt 113% so với dự toán năm 2022, trong đó:

- Chi dân quân tự vệ : Thực hiện 559.512 nghìn đồng đạt 89% so với dự toán năm 2022;

- Chi an ninh trật tự: Thực hiện 551.664 nghìn đồng, đạt 111% so với dự toán năm 2022;

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thực hiện 6.350.387 nghìn đồng, đạt 120% so với dự toán năm 2022;

- Chi cho công tác xã hội: Thực hiện 116.224 nghìn đồng, đạt 100% so với dự toán năm 2022

3. Dự phòng ngân sách chi 134.000 nghìn đồng đạt 100% kế hoạch.

III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung, trong năm 2022, bộ phận kế toán đã chủ động tham mưu trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động các ngành, các bộ phận, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022*(Chi tiết theo biểu số 113,114,115/CKTC-NSNN kèm theo)./.*

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- Lưu: VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Lê Minh Thảo

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Lương
Xã Tức Tranh

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**6.858.000**	**11.073.706**	**161.47**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	230.000	1.768.786	769.04
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	499.000	580.825	116.40
3	Thu bổ sung	6.129.000	8.664.095	141.36
	- Thu bổ sung cân đối	6.129.000	6.062.251	98.91
	- Thu bổ sung có mục tiêu		2.601.844	
4	Thu chuyển nguồn		60.000	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**6.658.000**	**10.720.250**	**161.01**
1	Chi đầu tư phát triển		2.905.559	
2	Chi thường xuyên	6.445.000	7.680.691	119.17
3	Dự phòng	134.000	134.000	100.00
4	Tiết kiệm chi	79.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Lương
Xã Tức Tranh

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**415.000**	**6.858.000**	**382.211**	**11.073.706**	**92.10**	**161.5**
I	**Các khoản thu 100%**	**230.000**	**230.000**	**232.171**	**1.475.425**	**100.9**	**641.5**
	Phí, lệ phí	100.000	100.000	84.371	84.370	84.37	84.4
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				26.000		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				1.217.240		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	130.000	130.000	147.800	147.815	113.69	113.7
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**185.000**	**499.000**	**150.040**	**580.813**	**81.10**	**116.4**
1	Các khoản thu phân chia	10.000	119.000	16.742	129.172	**167.42**	108.5
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	16.742	16.741	**167.42**	167.4
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh				28.200		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		109.000		84.231		77.3
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	**175.000**	**380.000**	**133.298**	**451.641**	**76.17**	**118.9**
	Thuế Tài nguyên						
	Thuế GTGT	110.000	110.000	81.408	81.407	74.01	74.0

	Thuế thu nhập cá nhân	65.000	270.000	51.890	370.234	79.83	137.1
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**				**60.000**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**				**293.374**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	-	**6.129.000**	-	**8.664.094**		**141.4**
	- Thu bổ sung cân đối		6.129.000		6.062.251		98.9
	- Thu bổ sung có mục tiêu				2.601.843		

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Lương
Xã Tức Tranh

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022				SO SÁNH %	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI									
	Trong đó	**6.858.000**		**6.858.000**	**10.720.250**	**2.949.883**	**7.770.367**	**156**		**113**
1	Chi dân quân tự vệ	627.583		627.583	559.512		559.512	89		89
2	Chi an ninh trật tự	497.728		497.728	551.644		551.644	111		111
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000	34.950		34.950	100		100
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	25.000		25.000	23.650		23.650	95		95
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000		35.000	-					
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.308.465		5.308.465	6.350.387		6.350.387	120		120
10	Chi cho công tác xã hội	116.224		116.224	116.224		116.224	100		100
11	Chi khác	79.000		79.000	-					
12	Dự phòng ngân sách	134.000		134.000	134.000		134.000	100		100
13	Chi chuyển nguồn				-					